

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/DS-ST
Ngày: 03-5-2019
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mút
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 598/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: 290/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: 209/4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 290/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Q trình bày:

Vào ngày 13/8/2017 chị Nguyễn Thị N vay của chị 75.000.000 đồng, lúc vay chị N nói để trả tiền nhà nước và hứa hai tháng trả số tiền này, do chị chỉ vay giùm cho chị N nên chị N trả lãi là trả cho người khác.

Sau đó đến ngày 02/10/2017 N tiếp tục vay của chị 75.000.000 đồng nói để trả tiền nhà nước và hứa 15 ngày trả tiền cho chị, do chị chỉ vay giùm cho chị N nên chị N trả lãi là trả cho người khác.

Tổng hai lần chị N vay của chị 150.000.000 đồng, nhiều lần chị yêu cầu chị N trả thì chị N có trả được 45.000.000 đồng, còn lại 105.000.000 đồng thì không trả nữa.

Đến ngày 08/7/2018 chị có đơn yêu cầu tới áp TB để yêu cầu chị N trả nợ, tại buổi hòa giải chị N có xin được bớt 15.000.000 đồng còn 90.000.000 đồng và hứa vào ngày 25/10/2018 (âm lịch) trả 75.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng sẽ trả vào ngày 25/02/2019 và chị N cũng hứa mỗi tháng đóng 750.000 đồng tiền lãi nhưng đến nay chị N không trả nợ gốc cũng không phụ đóng lãi cho chị.

Do chị N hứa trả tiền nhưng không trả đúng hạn nên chị yêu cầu chị N phải trả lãi tính từ ngày 08/7/2018 cho đến ngày tòa xét xử là ngày 03/5/2019 là 09 tháng 25 ngày với mức lãi suất 0,83%, số tiền lãi là 105.000.000 đồng x 9 tháng 25 ngày x 0,83%/tháng = 8.569.750 đồng.

Số tiền này chị mượn giùm cho chị N nên không phải tài sản chung của chị và chồng là Nguyễn Thanh T.

Khi chị N vay tiền có nói với chị là do nuôi tôm thua lỗ nên vay tiền về trả tiền nhà nước để vay lại, do chị N là người trực tiếp vay tiền nên chị chỉ yêu cầu chị N trả số tiền này.

Tại tòa chị yêu cầu chị N trả cho chị 105.000.000 đồng tiền nợ gốc và 8.569.750 đồng tiền lãi, tổng là 114.139.500 đồng, yêu cầu trả một lần.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Chị thừa nhận vào năm 2017 chị có vay tiền của chị Q hai lần, lần một vào ngày 13/8/2017 vay 75.000.000 đồng, lần hai vào ngày 02/10/2017 vay 75.000.000 đồng, những lần vay này đều có biên nhận, biên nhận ngày 13/8/2017 do chị Q viết chị có ký tên, biên nhận ngày 02/10/2017 do chị tự viết và ký tên. Sau khi vay chị trả nhiều lần được 45.000.000 đồng còn nợ lại 105.000.000 đồng, sau đó chị có trả thêm được 30.000.000 đồng vào ngày 06/01/2018 (âm lịch) nên chỉ còn nợ lại số tiền 75.000.000 đồng. Những lần trả tiền cho chị Q đều không có giấy tờ gì.

Chị thừa nhận vào ngày 08/7/2018 tại áp TB chị có tham gia hòa giải. Tại buổi hòa giải chị Q có nói tiền lãi là 30.000.000 đồng và chị chịu 15.000.000 đồng tiền lãi và 75.000.000 đồng tiền nợ gốc nên chị phải trả cho chị Q 90.000.000 đồng chứ không phải chị còn nợ chị Q 105.000.000 đồng và chị xin bớt 15.000.000 đồng còn nợ 90.000.000 đồng. Chị hứa vào ngày 25/10/2018 (âm lịch) trả 75.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng sẽ trả vào ngày 25/02/2019 và mỗi tháng đóng 750.000 đồng tiền lãi cho chị Q nhưng do nuôi tôm thua lỗ nên chị không có khả năng trả nợ cho chị Q như đã hứa.

Chị đồng ý trả cho chị Q số tiền 90.000.000 đồng và xin trả trong vòng 07 (bảy) tháng hết số nợ 90.000.000 đồng, đối với khoản lãi do hoàn cảnh của chị khó khăn, nuôi tôm thua lỗ, phải đi làm thuê nên xin được bớt tiền lãi.

Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh và chị Q là vợ chồng nhưng số tiền chị Q cho chị N vay là tiền riêng của chị Q, không phải là khoản tiền chung của hai vợ chồng nên anh không có yêu cầu gì đối với khoản nợ của chị N. Do anh không có yêu cầu gì và bận công việc gia đình nên anh yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Nguyễn Thị Q yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị N trả tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại 209/4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án chị Q và chị N thống nhất được vào ngày 13/8/2017 và 02/10/2017 chị N có vay tiền của chị Q, khi vay có hứa thời gian trả nhưng đến hạn không trả. Từ đó có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Q và bị đơn Nguyễn Thị N có xác lập hợp đồng vay tài sản được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[5] Chị Q trình bày chị N vay tiền hai lần, tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng, đã trả được 45.000.000 đồng, còn nợ 105.000.000 đồng nên yêu cầu chị N trả số tiền 105.000.000 đồng. Chị N thừa nhận có vay của chị Q 150.000.000 đồng nhưng đã trả được hai lần, một lần 45.000.000 đồng và một lần vào ngày 06/01/2018 (âm lịch) trả được 30.000.000 đồng, chỉ còn nợ 75.000.000 đồng nhưng do tại biên bản hòa giải ở ấp Thạnh Thới B vào ngày 08/7/2018 chị đồng ý trả cho chị N 90.000.000 đồng vì vậy chị đồng ý trả cho chị Q 90.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N trình bày vào ngày 06/01/2018 (âm lịch) trả được 30.000.000 đồng, chỉ còn nợ 75.000.000 đồng nhưng đến ngày 08/7/2018 tại buổi hòa giải ở ấp Thạnh Thới B chị N không trình bày việc có trả được 30.000.000 đồng mà thừa nhận lời trình bày của chị Q có trả được 45.000.000 đồng còn lại 105.000.000 đồng và xin giảm bớt 15.000.000 đồng còn lại 90.000.000 đồng, mặt khác chị N cũng không giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị N trả được 30.000.000 đồng vào ngày 06/01/2018 (âm lịch) nên lời trình bày này của chị N là

không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu của chị Q là có căn cứ, buộc chị N có nghĩa vụ trả cho chị Q 105.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[6] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: chị Q yêu cầu chị N trả lãi tính từ ngày 08/7/2018 cho đến ngày tòa xét xử là ngày 03/5/2019 là 09 tháng 25 ngày với mức lãi suất 0,83%, số tiền lãi là 105.000.000 đồng x 9 tháng 25 ngày x 0,83%/tháng = 8.569.750 đồng. Chị N trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin không trả lãi cho chị Q. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản hòa giải ở ấp Thạnh Thới B vào ngày 08/7/2018 chị N hứa vào ngày 25/10/2018 (âm lịch) chị N trả cho chị Q số tiền 75.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng trả tất vào ngày 25/02/2019 (âm lịch) đồng thời kể từ ngày 08/7/2018 chị N phụ tiền đóng lãi cho chị Q mỗi tháng 750.000 đồng nhưng chị N không thực hiện đúng như thỏa thuận. Vì vậy, chị Q yêu cầu chị N trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 08/7/2018 với số tiền là 8.569.750 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[7] Chị N đề nghị do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần trong vòng bảy tháng hết số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng. Xét thấy, giữa chị Q và chị N có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng chị N đã thực hiện không đúng thỏa thuận làm ảnh hưởng tới quyền lợi của chị Q, đề nghị xin được trả dần của chị N cũng không được chị Q đồng ý nên buộc chị N phải trả một lần hết số nợ gốc và lãi là 114.139.500 đồng.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Q được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Q. Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho chị Nguyễn Thị Q số tiền 114.139.500 (một trăm mười bốn triệu một trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 5.706.000 (năm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 đồng theo biên lai thu số 0021520 ngày 07 tháng 12 năm 2019.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh